

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**Môn: Ngữ văn 6***Thời gian làm bài 90 phút**** Ma trận**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	5	0	3	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Kể lại một truyện cổ tích	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

*** Bản đặc tả**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	5TN	3TN	2TL	

			- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố văn, nhịp				
2	Viết	2. Kể lại một truyện cổ tích.	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài tự sự. - Xác định được ngôi kể, bố cục của bài văn tự sự. Thông hiểu: - Trình bày được diễn biến sự việc chính theo trình hợp lí, rõ ràng. - Nhân vật tham gia câu chuyện. - Sử dụng ngôi kể, lời kể phù hợp. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về văn tự sự để kể lại 1 truyện cổ tích bằng lời văn của mình. - Lựa chọn các sự việc của câu chuyện và sắp xếp theo trình tự hợp lí. Vận dụng cao: - Diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để câu chuyện được hấp dẫn lôi cuốn. - Nêu được ý nghĩa sâu sắc của truyện cổ tích đã kể với bản thân người viết.				1TL*
Tổng				5TN	3TN	2TL	1TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

*** Đề kiểm tra:**

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

(3 câu hỏi nhận biết, 5 câu hỏi thông hiểu)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

“Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.”

(Theo Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978)

Câu 1: Bài ca dao trên được viết theo thể gì?

- A. Thể thơ lục bát
B. Thể thơ song thất lục bát
C. Thể thơ tứ tuyệt
D. Thể thơ 4 chữ

Câu 2: Các tiếng có chức năng gieo vần trong bài ca dao trên là:

- A. nhà – cà, nhớ - nhớ
B. dầm – dầm, tương – sương – đường
C. nhà – cà, tương – sương, sương – đường
D. nhớ – nhớ, dầm – dầm

Câu 3: Trong các từ dưới đây, đâu là tổ hợp 2 từ đơn?

- A. anh nhớ
B. quê nhà
B. rau muống
D. hôm nao

Câu 4: Dòng nào nói đúng về cách ngắt nhịp của hai câu thơ: (đây là câu hỏi nhận biết)

“Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương”?

- A. Câu lục ngắt nhịp 2/4, câu bát ngắt nhịp 4/4
B. Câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4
C. Câu lục ngắt nhịp 3/3, câu bát ngắt nhịp 4/4
D. Câu lục ngắt nhịp 3/3, câu bát ngắt nhịp 2/2/2/2

Câu 5: Thành ngữ “dãi nắng dầm sương” trong bài ca dao trên được hiểu là:

- A. Chăm chỉ, thu vén công việc.
B. Khuyên con người phải chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau.
C. Xa quê hương, không có người thân thích.
D. Chịu đựng nhiều vất vả, gian lao trong cuộc sống.

Câu 6: Bài ca dao thể hiện tình cảm gì của nhân vật trữ tình?

- A. Nỗi nhớ của người xa quê.
B. Nỗi buồn đau của người xa quê.
C. Nỗi day dứt của người xa quê.
D. Niềm vui của người xa quê.

Câu 7: Yếu tố nghệ thuật nào sau đây giúp em cảm nhận rõ nhất nỗi nhớ của người xa quê?

- A. Hình ảnh “canh rau muống”, “cà dầm tương”.
B. Từ “nhớ” được lặp đi lặp lại 5 lần trong 4 câu thơ.
C. Âm điệu ngọt ngào của bài ca dao.

D. Thành ngữ “dãi nắng dầm sương”. (câu hỏi này đòi hỏi HS phải làm 2 thao tác : phát hiện ra các NT tiêu biểu trong bài thơ → chọn ra NT nào là tiêu biểu thể hiện rõ nhất nỗi nhớ...)

Câu 8: Bài ca dao trên ca ngợi vẻ đẹp nào của quê hương?

- A. Vẻ đẹp rực rỡ của cảnh sắc thiên nhiên.
- B. Vẻ đẹp bình dị, dân dã của món ăn quê nhà.
- C. Vẻ đẹp chịu thương, chịu khó, tần tảo, lam lũ trong lao động của người dân quê.
- D. Cả B và C đều đúng. (không đưa kiểu đáp án nway)**

Câu 9: Nêu chủ đề của bài ca dao.(không sát với bảng đặc tả)

Câu 10: Thông điệp em rút ra được từ bài ca dao trên?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Truyện cổ tích luôn mở ra thế giới nhiệm màu, cho ta những bài học sâu sắc về cuộc sống. Hãy kể lại một truyện cổ tích như thế mà em yêu thích.

*** Hướng dẫn chấm:**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	
1	A	0,5
2	C	0,5
3	A	0,5
4	B	0,5
5	D	0,5
6	A	0,5
7	B	0,5
8	D	0,5
9	Chủ đề của bài ca dao: Bài ca dao viết ra nhằm thể hiện nỗi nhớ quê hương của người con xa quê với những điều bình dị, thân thuộc, gần bó. Từ đó, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết.	1,0
10	- HS đưa ra được ít nhất một thông điệp từ bài thơ. Ví dụ: + Yêu quê hương từ những gì bình dị, thân quen nhất. + Gần bó với quê hương, luôn hướng về quê hương yêu dấu. + Trân trọng những vẻ đẹp bình dị, gần gũi của quê hương. (Lưu ý: Nếu HS đưa ra được những thông điệp khác mà hợp lí, GV linh hoạt chấm điểm).	1,0
	VIẾT	4,0
II	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</i> Kể lại một truyện cổ tích.	0,25
	<i>c. Kể lại một truyện cổ tích</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ ba. - Giới thiệu được truyện cổ tích cần kể.	3,0

	- Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra trong truyện: mở đầu – diễn biến – kết thúc. - Sắp xếp các sự việc theo trình tự thời gian. - Thể hiện được các yếu tố kì ảo. - Cảm nghĩ về câu chuyện.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo	0,25

LƯU Ý:

- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP THAY ĐỔI CÁC CHỈ DẪN TRONG BẢNG ĐẶC TẢ TRONG TÀI LIỆU CỦA BỘ. TUY NHIÊN CÓ THỂ LINH HOẠT BẮM VÀO YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA TỪNG BỘ SÁCH ĐỂ CHO PHÙ HỢP
- + TRONG CÁC CHỈ DẪN TRONG BẢNG ĐẶC TẢ CÓ THỂ LỰA CHỌN NHỮNG CHỈ DẪN PHÙ HỢP VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG HS (KHÔNG PHẢI CHỈ DẪN NÀO CŨNG ÁP DỤNG TRONG 1 BÀI KIỂM TRA)
- CÓ THỂ THAY ĐỔI TỈ LỆ GIỮA CÁC CÂU HỎI NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC LÀM MẤT ĐI CẤU TRÚC CỦA BẢNG MA TRẬN ĐỂ PHÙ HỢP VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH
- Xây dựng đề có TNKQ bám sát với yêu cầu của BGD

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ MÔN NGỮ VĂN THCS

I. ĐỌC – HIỂU:

- Chọn một ngữ liệu ngoài SGK tương đương với các thể loại văn bản được học theo chương trình
- 10 câu hỏi, số điểm 6,0 trong đó:
 - + Nhận biết: 3 câu trắc nghiệm
 - + Thông hiểu: 5 câu trắc nghiệm
 - + Vận dụng: 2 câu tự luận

II. VIẾT

- 1 câu tự luận
- Sản phẩm: một văn bản hoàn chỉnh
- Thể hiện trong ma trận và đặc tả